

Bản án số: 25/2019/HS-PT
Ngày 07 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Các Thẩm phán

: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

: Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Huỳnh Phước N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2018/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Huỳnh Phước N**, sinh năm 1988, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Đường Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn P (đã chết) và bà Phan Thị Thu T (sinh năm 1962); tiền án: bị xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người” (theo Bản án số 187/2010/HSPT ngày 03/3/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng); chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2014; tiền sự: Không; nhân thân: bị xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo bản án số 83/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa); bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2019: Có mặt.

2. **Chế Thành K**, Sinh năm 1988, tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chế Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1951); tiền sự: Không; tiền án: bị xử phạt 12 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” (theo bản án số 106/2007/HSPT ngày 21/5/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; bản án sơ thẩm số

16/2007/HSST ngày 14/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh); Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2007; Thi hành nghĩa vụ án phí của hai bản án nói trên ngày 15/6/2018; nhân thân: Bị xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” (theo bản án số 47/2009/HSPT ngày 30/3/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa); 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản” (theo Bản án số 183/2018/HSST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang); hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa: Có mặt.

3. Nguyễn Trung T, Sinh năm 1989, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1963) và bà Đặng Thị H (sinh năm 1965); có vợ là Nguyễn Thị H (sinh năm 1992) và 02 con (sinh năm 2014, 2018); tiền án, tiền sự: Không. nhân thân: bị xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (theo bản án số 47/2009/HSPT ngày 30/3/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa); chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010; bị cáo tại ngoại: Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/4/2017, Huỳnh Phước N lên Diên Khánh để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đến nhà trọ P (tổ dân phố Đ, thị trấn K), phát hiện xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 79D1-164.57 (trị giá 13.875.000 đồng) của chị Lê Thị Minh D đang dựng trước dãy nhà trọ không có người trông coi, N dùng cây kéo (đã chuẩn bị từ trước) phá khóa và điều khiển xe mô tô trộm cắp được lên nhà bạn gái là Nguyễn Thị T (sinh năm 1988, trú tại xã L, huyện K). Sau đó, N thay biển kiểm soát 79D1-342.13 vào xe nói trên và điện thoại cho Chế Thành K nhờ K hỏi xem Nguyễn Trung T (bạn của K) có mua xe mô tô không. K đưa điện thoại cho T và N nói chuyện với nhau về việc mua bán xe. Sau đó, T nhờ K chở lên nhà bạn gái của N để lấy xe. Tại đây, K đứng ngoài, T vào xem xe và đồng ý mua với giá 3.000.000 đồng. T biết là xe do N trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua và đưa trước cho N 2.500.000 đồng còn lại 500.000 đồng T và N thống nhất để T đưa cho K để K đưa lại cho N. Ngày 04/4/2017 K nhận số tiền trên từ T đưa để giao lại cho N; N sử dụng số tiền này dẫn K đi ăn uống.

Để thực hiện ý đồ trộm cắp tài sản, khoảng 18 giờ ngày 04/4/2017, N nhờ K chở lên xã T, huyện K. Khi đến thôn P, xã T, thấy xe Attila màu trắng, biển kiểm soát 79T2-3297 (trị giá 16.800.000 đồng) của chị Lương Thị Hồng H đang để trước sân không có người trông coi. N nói K dừng lại để N xuống xe và nói K đi về trước rồi đi đến mở cổng nhà, dùng kéo phá khóa và điều khiển xe mô tô 79T2-3297 về thị trấn K. Trên đường đi, N gọi điện cho K xin số điện thoại của T, sau đó trực tiếp liên lạc với T về việc mua bán xe. T hẹn N đến nhà thờ C (xã D, huyện K) và nhờ N đưa xe đến nhà chị gái là Nguyễn Thị Mỹ Th để Th xem

xe và giao tiền cho N (Th không biết xe mô tô N bán cho T là xe trộm cắp mà có). Sau khi xem xe, Th đồng ý mua, T lấy của Th 2.000.000 đưa trước cho N, còn 3.000.000 đồng T và N thống nhất sẽ đưa cho K để K đưa lại cho N. Ngày 05/4/2017, K nhận số tiền trên của T và đưa lại cho N.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Huỳnh Phước N khai nhận toàn bộ sự việc như diễn biến nêu trên.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2017 và ngày 15/6/2017, Biên bản hỏi cung ngày 11/9/2018, bị cáo Chế Thành K khai, bị cáo biết xe T mua của N là do trộm cắp mà có vì trước đó T có dặn N khi nào có xe không có giấy tờ thì gọi cho T để T mua và biết xe Sirius N bán cho T là do trộm cắp mà có vì xe có giá bán rẻ, không giấy tờ, từ lúc quen biết N đến khi N bán xe cho T thì N không có nghề nghiệp và không có xe mô tô nào như vậy. Tuy nhiên, sau đó bị cáo lại cho là bị cáo không biết nguồn gốc các xe mô tô T và N mua bán với nhau.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2017, bị cáo Nguyễn Trung T khai, khi N bán xe Sirius cho bị cáo với giá rẻ, xe không có giấy tờ, ổ khóa có dấu hiệu đục phá thì bị cáo biết xe do N vi phạm pháp luật mà có nhưng vẫn chấp nhận mua. Sau đó, bị cáo khai bị cáo không biết tài sản N bán là do trộm cắp mà có.

Tại bản án sơ thẩm số 57/2018/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Huỳnh Phước N 01 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Căn cứ khoản 1 Điều 250, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. xử phạt bị cáo Chế Thành K 01 năm 06 tháng tù, Nguyễn Trung T 01 năm 03 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Ngoài ra bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/11/2018, bị cáo Huỳnh Phước N có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt, bị cáo Nguyễn Trung T có đơn kháng cáo xin miễn, giảm hình phạt hoặc được hưởng án treo.

Ngày 30/11/2018, bị cáo Chế Thành K có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Phước N cho là bản án sơ thẩm xét xử bị cáo đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt vì hoàn cảnh gia đình.

Bị cáo Chế Thành K cho là bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng, không oan nhưng xin giảm hình phạt vì hoàn cảnh gia đình (mẹ già, yếu, không có người chăm sóc).

Bị cáo Nguyễn Trung T cho là bị cáo đã sai nhưng bị cáo không biết tài sản bị cáo mua là do N trộm cắp mà có.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Đối với bị cáo Huỳnh Phúc N:*

[1.1] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.2] Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội, thực hiện hành vi phạm tội khi đã bị kết án và chưa được xóa án tích. Vì vậy, bản án sơ thẩm áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (về tình tiết tái phạm, phạm tội nhiều lần) là có căn cứ.

[1.3] Ngoài các tình tiết được bản án sơ thẩm xem xét (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại), không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác có thể áp dụng với bị cáo, mức hình phạt bản án sơ thẩm đã quyết định với bị cáo là phù hợp với các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận, bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[2] *Đối với Bị cáo Chế Thành K:*

[2.1] Bị cáo biết tài sản do N phạm tội mà có nhưng vẫn giúp N và T mua bán tài sản này. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” là có căn cứ.

[2.2] Tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo chưa chấp hành xong bản án số 106/2007/HSPT ngày 21/5/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và bản án số 16/2007/HSST ngày 14/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh nhưng bản án sơ thẩm xác định bị cáo có tiền án để áp dụng tình tiết “tái phạm” là không đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.3] Căn cứ nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, mức hình phạt bản án sơ thẩm đã quyết định với bị cáo là phù hợp với các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, không có căn cứ để thỏa mãn kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

[3] *Đối với bị cáo Nguyễn Trung T:*

[3.1] Bị cáo không được N nói cho biết tài sản N bán là do trộm cắp nhưng thấy các xe máy do N bán không có giấy tờ, ổ khóa có dấu hiệu cạy phá, giá bán thấp hơn giá thị trường, địa điểm, thời gian mua bán không bình thường nên buộc bị cáo phải biết tài sản mua bán là không hợp pháp nhưng vẫn mua. Tòa án cấp sơ

thẩm xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” là có căn cứ.

[3.2] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên với bị cáo là phù hợp, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận, bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 1 Điều 138, Điểm p Khoản 1 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: Huỳnh Phước N 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù của bản án sơ thẩm số 83/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, bị cáo Huỳnh Phước N phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (13/01/2019); Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án số 83/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang (từ ngày 13/01/2018 đến ngày 12/01/2019) được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung;

Căn cứ Khoản 1 Điều 250, Điểm p Khoản 1 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: Chế Thành K 01 (một) năm 06 (chín) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 tháng tù của bản án sơ thẩm số 183/2018/HS-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, bị cáo Chế Thành K phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2018;

Căn cứ Khoản 1 Điều 250, Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: Nguyễn Trung T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Huỳnh Phước N, Chế Thành K, Nguyễn Trung T - mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- TAND huyện Diên Khánh;
- Cục THA DS huyện Diên Khánh;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Nghĩa

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND, Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa
- VKSND, TAND, Công an TP. Cam Ranh
- Chi cục THADS TP. Cam Ranh
- Bị cáo
- Lưu án văn
- Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nghĩa

